

Bản án số: **11/2020/HNGĐ - PT**

Ngày 07 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Hà

*Các Thẩm phán:* Ông Hà Văn Chương

Ông Lê Tuấn Tú

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Hữu San - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:** Ông Dương Thành Vĩnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2020/TLPT- HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 107/2020/HNGĐ - ST, ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2020/QĐ-PT, ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn M (thôn M 1 cũ), xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Nông Thị Kiều Tr, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn M (thôn M 2 cũ), xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Trần Thị Kim O – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư MHN, đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số 52, tổ 5 phố C, phường K, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa)

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Nông Thị Kiều Tr.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Nông Thị Kiều Tr đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã L, thành phố Q vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng nhà bố mẹ anh H tại Thôn Hoà Mục (Hoà Mục 1 cũ), xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, anh làm nhân viên điều hành xe vận tải cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ BA, chị Tr làm công nhân may. Đến tháng 11 năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tháng 12/2017 chị Tr về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tr.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Thu N sinh ngày 18/12/2016 và Nông Hà Nh sinh ngày 05/7/2018. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thu N và giao cháu Nông Hà Nh cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

- Về tài sản chung và vay nợ: Anh xác nhận, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai, và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nông Thị Kiều Tr trình bày:*

Về quá trình đăng ký kết hôn, con chung và tài sản, vay nợ chung của vợ chồng theo như lời trình bày của anh Nguyễn Văn H là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng là do anh H thường xuyên cờ bạc, rượu chè, về khuya, gia đình anh H nói chị Tr không biết bảo ban chồng, chị có bầu con thứ hai nhưng anh H không nhận là con của anh H, thời gian đó anh H đi làm và thường xuyên không về nhà. Trước bối cảnh chồng không ở nhà và áp lực từ gia đình chồng, chị nói với anh H là không chịu đựng được cuộc sống ở gia đình chồng, anh H đã đưa mẹ con chị về trả chị cho bố mẹ chị. Từ đó chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng anh chị không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí ly hôn vì lý do muốn các con chung của anh chị được ở cùng cả bố và mẹ. Trong trường hợp phải ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Thu N và cháu Nông Hà Nh vì từ khi chị mang bầu con thứ hai được 07 tuần thì anh H đưa mẹ con chị về trả cho bố mẹ đẻ của chị, từ đó đến nay chị là người trực tiếp nuôi cả hai con, nay con lớn của chị là Nguyễn Thu N mới được hơn 3 tuổi, lại là con gái nên cần phải có sự chăm sóc của người mẹ, chị xác định chị có việc làm và thu nhập ổn định ngoài ra còn có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ của chị nên chị có thể nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vụ kiện trên đã được Toà án nhân dân thành phố Q thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 107/2020/DS – ST, ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nông Thị Kiều Tr;

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu N sinh ngày 18/12/2016 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; Giao cháu Nông Hà Nh sinh ngày 05/7/2018 cho chị Nông Thị Kiều Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nông Thị Kiều Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001010 ngày 28/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí; Chị Nông Thị Kiều Tr không phải nộp án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2020 Tòa án nhận được đơn của bị đơn chị Nông Thị Kiều Tr kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 107/2020/DS – ST, ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q với lý do: Tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa không hỏi các đương sự có nhất trí về việc công khai bản án, không hỏi chị về việc có tiếp tục nhờ luật sư bảo vệ tại phiên tòa nữa hay không. Tại phiên tòa chị không nhất trí ly hôn và đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về quan hệ hôn nhân, đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh H được ly hôn với chị. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Thu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Hà Nh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án và diễn biến phiên tòa để xác định phán quyết của Hội đồng xét xử sơ thẩm có đúng thực tế, trung thực và khách quan hay không, căn cứ vào đâu mà Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H và chị trong khi chị không nhất trí ly hôn và muốn có thời gian để suy nghĩ, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Trong trường hợp phải ly hôn chị yêu cầu được trực

tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn chị Nông Thị Kiều Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị Tr trình bày mặc dù vợ chồng ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến nhau nữa nhưng chị chưa đồng ý ly hôn vì chị muốn các con của chị có đủ cả bố và mẹ. Trường hợp phải ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung vì từ khi sinh ra cho đến nay cháu Nh chỉ do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục anh H không đến thăm bao giờ nên còn không biết mặt con, còn cháu N từ khi sống ly thân tháng 12/2017 cho đến nay cháu chỉ ở với mẹ do mẹ chăm sóc nuôi dưỡng anh H không hề quan tâm chăm sóc con, vợ chồng ly thân từ khi cháu N còn quá nhỏ chưa biết gì, trong thời gian ly thân anh H không đến thăm không chăm sóc con, nên nếu giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục thì môi trường sống bị thay đổi sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của cháu. Hiện chị và các con sống cùng bố mẹ chị, bố mẹ chị chỉ có mình chị là con nên bố mẹ chị hỗ trợ chị chăm sóc con cái. Từ khi ly thân đến nay anh Hai không chu cấp nhưng chị vẫn chăm sóc các con có cuộc sống đầy đủ, các cháu vẫn phát triển bình thường nên chị thấy không cần thiết phải yêu cầu anh H cấp dưỡng đối với các cháu. Lý do chị đăng ký khai sinh cháu Nông Hà Nh theo họ mẹ là do khi chị mang thai cháu Nh, anh H không thừa nhận đứa con chị đang mang thai là con của anh H.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Do vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng không thể đoàn tụ. Chị Tr nói anh không đến thăm con là không có đúng, trong thời gian đầu khi vợ chồng sống ly thân anh có đến thăm con nhưng đều bị gia đình nhà chị Tr ngăn cản, một lần anh đi cùng cậu ruột anh đến để nói chuyện hòa giải tình cảm vợ chồng, lần khác anh đi cùng mẹ anh đến để nói chuyện với gia đình chị Tr và có lần đi cùng chị gái anh đến thăm con và nhiều lần anh đến một mình nhưng đều bị gia đình chị Tr ngăn cấm không cho anh thăm con. Có một lần anh mua áo rét cho con mang đến trường nhưng chị Tr không cho con mặc, một lần anh đến chơi đưa cho con 01 triệu đồng lúc đó chị Tr ngồi gần đó chứng kiến. Khi chị Tr sinh con thứ 2 chị Tr không báo cho anh nên anh không biết, sau khi anh biết chị Tr sinh con thứ 2 khoảng một tuần sau anh có đến thăm con nhưng cũng bị ngăn cản. Do đó hơn một năm nay anh không đến thăm con nữa. Việc gia đình chị Tr ngăn cấm không cho anh thăm con anh không báo cáo chính quyền địa phương can thiệp. Hiện anh đang ở cùng bố mẹ, có chỗ ở ổn định, có việc làm thu nhập ổn định anh đủ điều kiện để nuôi con nên anh đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thu N.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm đề nghị Tòa án xem xét cho chị Tr được nuôi cả hai con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nông Thị Kiều Tr là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nông Thị Kiều Tr, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 107/2020/DS – ST, ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q theo hướng giao cả hai con chung cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị Nông Thị Kiều Tr không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nông Thị Kiều Tr trong thời hạn luật định, chị Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó đơn kháng cáo của chị Tr là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

Bị đơn chị Nông Thị Kiều Tr kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do trong quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục tố tụng: Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa Chủ tọa không hỏi các đương sự có nhất trí về việc công khai bản án và không hỏi chị Tr có tiếp tục nhờ luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị Tr tại phiên tòa nữa hay không. Qua xem xét phần thủ tục bắt đầu phiên tòa được thể hiện trong Biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục 111 – 112) Hội đồng xét xử thấy rằng tại phần Thủ tục bắt đầu phiên tòa Chủ tọa và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục quy định tại Mục 2 Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự, có cho đương sự nêu ý kiến về việc bản án sau khi có hiệu lực sẽ được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao. Đối với việc bị đơn cho rằng tại phiên tòa Chủ tọa không hỏi bị đơn có tiếp tục nhờ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nữa hay không, HĐXX thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, chị Tr đã có đơn nhờ luật sư Trần Thị Kim O bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, tại phiên tòa sơ thẩm Luật sư Trần Thị Kim O có mặt và trình bày ý kiến, tiến hành tranh tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn như vậy HĐXX cấp sơ thẩm đã bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Tố tụng dân sự, quá trình giải quyết vụ án chị Tr cũng chưa từng có ý kiến từ chối hoặc thay đổi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình do đó tại phiên tòa sơ thẩm HĐXX không cần thiết phải hỏi

chị Tr xem có tiếp tục nhờ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nữa hay không. Hơn nữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tại phiên tòa sơ thẩm Chủ tọa và Hội đồng xét xử cũng không bắt buộc phải hỏi đương sự có tiếp tục nhờ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nữa hay không.

Đối với nội dung bị đơn kháng cáo cho rằng HĐXX sơ thẩm ra bản án trái pháp luật, không đúng diễn biến thực tế tại phiên tòa, không trung thực và khách quan. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về quan hệ hôn nhân, đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, về con chung đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Hà Nh, nhưng Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là không đúng. HĐXX thấy rằng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cả anh H và chị Tr đều xác định do mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017, trong thời gian sống ly thân hai bên không hề có sự hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh H xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tr. Chị Tr cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng do muốn các con có đầy đủ bố mẹ nên không muốn ly hôn. Việc anh H và chị Tr kết hôn nhưng không trực tiếp sống chung mà ly thân nhau từ cuối năm 2017, không có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau là đã vi phạm về nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án có đủ căn cứ để giải quyết cho hai bên ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, ban đầu chị Tr không nhất trí ly hôn, nhưng sau đó trình bày “Nếu anh H kiên quyết ly hôn tôi cũng nhất trí và giữ nguyên đề nghị được nuôi 2 con” (bút lục 108). Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa sơ thẩm cũng đề nghị HĐXX Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình giữa các đương sự (bút lục 91). Do đó việc bị đơn kháng cáo cho rằng HĐXX sơ thẩm ra bản án trái pháp luật, không đúng diễn biến thực tế tại phiên tòa, không trung thực và khách quan là không có căn cứ.

Về nội dung bị đơn kháng cáo yêu cầu được nuôi hai con chung, HĐXX thấy rằng quá trình chung sống anh Nguyễn Văn H và chị Nông Thị Kiều Tr có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu N sinh ngày 18/12/2016 và Nông Hà Nh sinh ngày 05/7/2018. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thu N và không yêu cầu cấp dưỡng. Chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị Tr là công nhân may công ty TNHH MTV SESHIN VN2 có mức thu nhập khoảng 7.500.000 đồng/tháng, hiện đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ. Anh H nhân viên điều hành xe vận tải cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ BA mức thu nhập là 14.000.000 đồng/tháng, hiện đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ. Như vậy, cả chị Tr và anh H đều đảm bảo điều kiện chỗ ở và kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên qua lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại

phiên phúc thẩm thể hiện khi chị Tr mang thai cháu Nông Hà Nh được 07 tuần thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sau đó anh H đã đưa chị Tr và cháu Nguyễn Thu N về sống cùng bố mẹ để chị Tr từ tháng 12/2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình hai vợ chồng sống ly thân cháu N sống cùng chị Tr, anh H không có sự đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng gì đối với cháu N. Khi chị Tr sinh cháu Nông Hà Nh vào năm 2018 anh H cũng không hề có sự hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đối với vợ con cũng như đóng góp tiền của để nuôi con chung. Anh H cho rằng mình bị chị Tr và gia đình vợ ngăn cản không cho đi lại thăm nom, chăm sóc vợ và các con nhỏ nhưng không xuất trình được tài liệu gì để chứng minh việc chị Tr và gia đình chị Tr ngăn cản không cho anh H thực hiện quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Điều đó thể hiện việc anh H đã thiếu trách nhiệm, không làm tròn bổn phận của cha mẹ đối với con chưa thành niên. HĐXX xét thấy, nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn của anh H và chị Tr là chính đáng, tuy nhiên do cả hai con chung đều là con gái, còn quá nhỏ, trong một thời gian dài chỉ sống cùng với mẹ, do một mình mẹ chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, cuộc sống các cháu ổn định được chăm sóc tốt, chị Tr có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con chung. Do đó để ổn định tâm lý cho các cháu, tránh xáo trộn trong cuộc sống, đảm bảo môi trường thuận lợi nhất cho sự phát triển của con cả về vật chất lẫn tinh thần đáp ứng cho yêu cầu phát triển bình thường của người con cần chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nông Thị Kiều Tr, sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 107/2020/DS – ST, ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q theo hướng giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Thu N và cháu Nông Hà Nh cho chị Nông Thị Kiều Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Do chị Tr không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn H.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm nên bị đơn chị Nông Thị Kiều Tr không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nông Thị Kiều Tr, sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 107/2020/DS-ST, ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nông Thị Kiều Tr.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu N sinh ngày 18/12/2016 và cháu Nông Hà Nh sinh ngày 05/7/2018 cho chị Nông Thị Kiều Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001010 ngày 28/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí.

**2. Án phí phúc thẩm:** Chị Nông Thị Kiều Tr không phải nộp án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số AA/2019/0000418, ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 07/8/2020).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND TP Q;
- Chi cục THADS TP Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Phạm Ngọc Hà**